

Bản án số: 08/2022/HS-ST.

Ngày: 21 - 01 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Đông.

Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Đặng Minh T, sinh năm 1984 tại huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Công M và bà Huỳnh Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại huyện H, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo có mặt.

* Các bị hại:

1. Ông Hồ Út C, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 11, Khóm M, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Ông Trịnh Trung S, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 1B, đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

3. Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 13, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

4. Anh Huỳnh Kim L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 17, ấp A, thị trấn K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/5/2021, Đặng Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long bắt giữ trong một vụ án trộm cắp xe ba gác trên địa bàn huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Qua xác minh T tự khai nhận, T cùng với V (không rõ họ, tên địa chỉ) đã tham gia thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào rạng sáng ngày 06/02/2021, Đặng Minh T gặp V tại khu vực Bến xe Phường T, thành phố V, cả hai bàn bạc đi trộm xe ba gác, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chở V đến khu vực đường M, Phường B, thành phố V thì phát hiện trước nhà số 11, Khóm M, Phường B, thành phố V có 01 xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 61L6-0395 màu xanh của ông Hồ Út C đang được khóa bằng dây xích sắt không có người trông giữ, T dùng xe để V đi đến xe ba gác dùng cây kẽm sắt bằng kim loại đã chuẩn bị sẵn cắt phá xích sắt, xong T dùng 01 tua vít dẹp bằng kim loại đã chuẩn bị sẵn để đầu nối dây điện khởi động máy của xe ba gác. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2-486.35 chạy theo T, còn T điều khiển xe ba gác đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền 8.000.000 đồng, T chia cho V 4.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 44/HĐĐGTS, ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận: Xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 61L6-0395 có giá trị 6.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào rạng sáng ngày 12/3/2021, Đặng Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chở V đến khu vực đường Đinh H, Phường T, thành phố V. Khi đi ngang nhà số 51, đường Đinh H, Phường T, thành phố V phát hiện trước nhà có 01 xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66M-5774 màu xanh của ông Trịnh Trung S đậu trong hàng rào không có người trông giữ, T dùng xe để V đi đến hàng rào dùng cây kẽm cắt khóa cửa rào, dẫn xe ra ngoài để T dùng tua vít đầu nối dây điện khởi động máy của xe ba gác. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chạy theo T, còn T điều khiển xe ba gác đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền 8.000.000 đồng, T chia cho V 4.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐGTS, ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: Xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66M-5774 có giá trị 6.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào rạng sáng ngày 01/4/2021, Đặng Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chở V đến khu vực đường P, Phường B, thành phố V. Khi đi ngang nhà số 13, đường P, Phường B, thành phố V phát hiện trước nhà có 01 xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66B1- 573.94 màu xanh của anh Nguyễn Hồng Q đậu trên vỉa hè trước nhà không có người trông giữ, T dùng xe để V đi đến dùng cây kèm cắt dây xích, dẫn xe ra ngoài để T dùng tua vít đầu nối dây điện khởi động máy của xe ba gác. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chạy theo T, còn T điều khiển xe ba gác đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền 8.000.000 đồng, T chia cho V 4.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐGTS, ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: Loại xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66B1- 573.94 có giá trị 6.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào rạng sáng ngày 08/4/2021, Đặng Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chở V đến khu vực đường Phan Đ, Phường T, thành phố V. Khi đi ngang nhà số 03, đường Phan Đ, Phường T, thành phố V phát hiện bên trong có 01 xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66L7- 5662 màu xanh của anh Huỳnh Kim L đậu trong rào không có người trông giữ, T dùng xe để V đi đến hàng rào dùng cây kèm cắt khóa cửa rào, rồi cả hai đẩy xe ra ngoài để T dùng tua vít đầu nối dây điện khởi động máy của xe ba gác. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64B2- 486.35 chạy theo T, còn T điều khiển xe ba gác đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền 8.000.000 đồng, T chia cho V 4.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTS, ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: Loại xe ba gác (loại xe ba bánh) biển kiểm soát số 66L7- 5662 có giá trị 6.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT-VKSND-TPV, ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố bị cáo Đặng Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đối với V là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với T, do không biết rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên tiếp tục xác minh sẽ xử lý sau.

Sau khi nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng, bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên vừa đọc thông qua tại phiên tòa.

Qua lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 90/CT-VKSND-TPV, ngày 25/11/2021 của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đối với bị cáo Đặng Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án số: 76/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long đối với bị cáo theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự; về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị bị cáo bồi hoàn cho các bị hại; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và các bị hại không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo không có ý kiến*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”:

Bị cáo có hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, tài sản bị cáo xâm hại có giá trị được xác định 24.000.000 đồng (04 lần trộm), do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điều luật nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đặng Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo lén lút lấy tài sản của ông C, ông S, anh Q và anh L, tổng tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 24.000.000 đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn

đề, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự khai ra các lần phạm tội trước đó (tự thú) nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm là thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở và đề nghị về trách nhiệm dân sự và án phí là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đồng thời, hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số: 76/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là đúng quy định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm nộp án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Minh T – 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt

03 (Ba) năm tù của bị cáo tại Bản án số: 76/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/5/2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Hồ Út C, Trịnh Trung S, Nguyễn Hồng Q và Huỳnh Kim L mỗi người với số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Tổng cộng bằng 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

3. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và các bị hại có mặt tại tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- CC THA DS TP V;
- UBND xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng